

Bản án số: 53/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08/6/2021

“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trúc Lâm.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hà Trọng Khá và bà Huỳnh Thị Minh Tuyết.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Phụng Kiều - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

Trong ngày 08 tháng 6 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 494/2020/TLST-HN&GD ngày 18 tháng 11 năm 2020 về việc “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2021/QĐXX-ST ngày 12/5/2021, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn C, xã H, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

* *Bị đơn:* Ông Tô D, sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn C, xã H, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, Nguyên đơn trình bày: Tôi và anh D kết hôn ngày 31/3/1995, có đăng ký kết hôn ở UBND xã H, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Thời gian chung sống, chúng tôi có 04 con chung: Tô C, sinh năm 1993, Tô Văn P, sinh năm 1998, Tô Văn T, sinh năm 2001, Tô Thành H, sinh ngày 25/11/2005. Thời gian gần đây chúng tôi thường xuyên cãi vã nguyên nhân là do anh D hay say rượu, đánh đập tôi, cuộc sống không hạnh phúc. Hiện nay, chúng tôi đã sống ly thân. Vì vậy tôi xin ly hôn. Sau khi ly hôn, tôi sẽ nhận nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu H, các cháu còn lại đã thành niên nên tự lo cho bản thân được, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung không yêu cầu; nợ chung không có.

Tại phiên tòa, Bị đơn trình bày: Tôi thống nhất về thời gian kết hôn và con chung như nguyên đơn trình bày. Đến nay, tôi chấp nhận ly hôn với cô H với điều kiện cô H trả lại cho tôi số vàng trước đây cô H giữ. Tôi yêu cầu chia tài sản là nhà và đất chung của vợ chồng, trường hợp cô H không giao lại vàng cho tôi và chia tài sản chung thì tôi không đồng ý ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự có tranh chấp ly hôn, bị đơn đăng ký nhân khẩu thường trú tại thôn C, xã H, thành phố T, tỉnh Phú Yên nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên theo quy định tại Điều 28, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: vợ chồng ông D, bà H có đăng ký kết hôn theo đúng quy định nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình, chung sống phát sinh mâu thuẫn do ông D có hành vi bạo hành nên bà H đã sống ly thân. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Giao cháu Tô Thành H, sinh ngày 25/11/2005 cho bà H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; ông D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Tài sản chung nguyên đơn không yêu cầu nên miễn xét. Bị đơn yêu cầu nguyên đơn trả lại cho số vàng nguyên đơn đang giữ (không trình bày cụ thể số lượng) và yêu cầu chia tài sản là nhà và đất chung của vợ chồng. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hoà đã tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vắng mặt tại nhà nên niêm yết công khai theo đúng quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không nộp đơn yêu cầu phản tố để chia tài sản chung, tại phiên tòa hôm nay mới trình bày yêu cầu này và không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên không có căn cứ để giải quyết trong vụ án này. Ông D được quyền khởi kiện để yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Đỗ Thị H được ly hôn với bị đơn Tô D.

[2] Về con chung: Giao cháu Tô Thành H, sinh ngày 25/11/2005 cho bà H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; ông D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung không giải quyết. Ông Tô D được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án chia tài sản chung bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, bà Đỗ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn; được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà Đỗ Thị H đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0000nn ngày 16/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên.

[5] Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Tuy Hoà;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hoà;
- UBND xã H, TP. T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Trúc Lâm